

Câu 1: Trong các hình sau, hình nào là hình có trục đối xứng ?

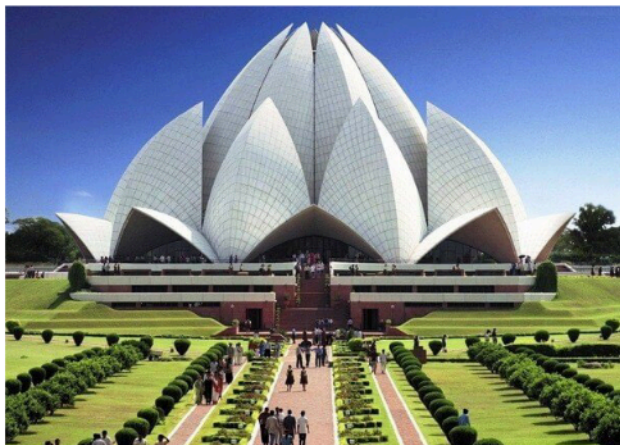
- A.** Hình tam giác **B.** Hình thang
C. Hình bình hành **D.** Hình thang cân

A. Hình tròn **B.** Hình thang cân
C. Hình tam giác đều **D.** Hình tam giác

	
Hình 1	Hình 2
	
Hình 3	Hình 4

- A.** Hình 1, 2, 3 **B.** Hình 2, 3, 4
C. Hình 1, 2, 4 **D.** Hình 1, 3, 4

Câu 4: Dưới đây là một số công trình kiến trúc trên thế giới. Hình nào thể hiện công trình kiến trúc có tính đối xứng trục ?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1 và 2

B. Hình 1 và 3

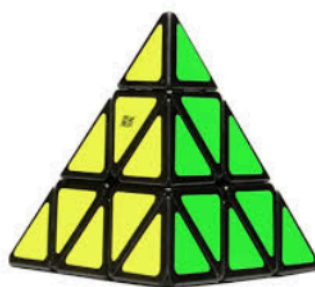
C. Hình 2 và 4

D. Hình 1 và 4

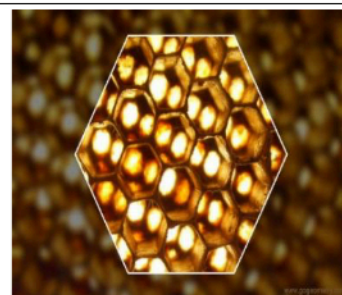
Câu 5: Trong các hình vẽ dưới đây, hình nào có dạng hình lục giác đều ?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4



Hình 5



Hình 6

A. Hình 1 và 5

B. Hình 2 và 6

C. Hình 3 và 4

D. Hình 1 và 2

Câu 6: Kết quả của phép tính $4^5 : 16$ dưới dạng một lũy thừa là ?

A. 4^2

B. 4^3

C. 4^4

D. 4^5

Câu 7: Số nào sau đây là bội của 4 ?

A. 130

B. 141

C. - 120

D. - 150

Câu 8: Tập hợp nào dưới đây gồm tất cả các ước là số nguyên của 4 ?

A. { 1; 2; 4 }

B. { 0; 1; - 1; 2; - 2; 4; - 4 }

C. { 1; - 1; 2; - 2 }

D. { 1; - 1; 2; - 2; 4; - 4 }

Câu 9: Cho các số - 55; -56; 60; 75. Số nào không chia hết cho - 5 ?

A. - 56

B. 60

C. -55

D. 75

Câu 10: Tập hợp nào dưới đây gồm bốn bội của 9 ?

A. { 0; -27; 36; - 54 }

B. { 1; -18; 27; - 54 }

C. { 9; -18; 27; - 50 }

D. { 0; -18; 30; - 54 }

Câu 11: Các ước là số âm của 3 là ?

A. 1 và 3

B. -1 và 3

C. -1 và -3

D. 1 và -3

Câu 12: Trong các phân số sau, phân số nào là phân số tối giản?

A. $\frac{8}{12}$

B. $\frac{7}{15}$

C. $\frac{9}{18}$

D. $\frac{14}{21}$

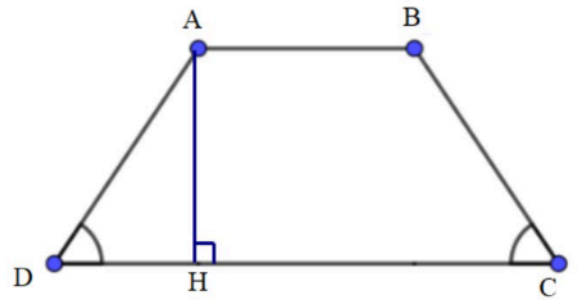
Phần 2: Tự luận

Câu 13 (0,5đ): Viết các số tự nhiên sau dưới dạng số La Mã: 18 và 26

Câu 14 (0,75đ): Cho hình thang cân ABCD như hình:

a) Hãy kể tên các cạnh đáy và các cạnh bên của hình thang cân ABCD.

b) Giả sử $AB = 40 \text{ cm}$, $CD = 70 \text{ cm}$, $AH = 20 \text{ cm}$. Tính diện tích hình thang cân ABCD.



Câu 15 (0,5đ): Bác Hải mua một chiếc gương treo tường dạng hình thoi như hình. Biết rằng độ dài hai đường chéo của chiếc gương lần lượt là 40 cm và 60 cm. Hãy tính diện tích của chiếc gương?



Câu 16 (1đ):

a) Tìm các bội là số tự nhiên nhỏ hơn 20 của 5.

b) Tìm tất cả các ước là số nguyên của 25

Câu 17 (1đ):

a) So sánh: -30 và -20 ; 0 và -19

b) Biểu diễn các số nguyên sau trên trục số: -4 và 2

Câu 18 (1,5đ): Thực hiện phép tính (Tính hợp lí nếu có thể)

a) $20 + (-7).(-2)$

b) $(-25).3.(-4).(-7)$

c) $(-19).30 + (-19).70 + 900$

Câu 19 (0,75đ): Tìm số tự nhiên x biết: $2x + 15 = 153$

Câu 20 (1đ): Số học sinh khối 6 của một trường THCS trong khoảng từ 320 đến 350. Biết rằng khi xếp thành hàng 5, hàng 10, hàng 11 đều vừa đủ hàng. Tính số học sinh khối 6 của trường đó.

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn : Toán – Lớp: 6

Phần 1: Trắc nghiệm khách quan: (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	A	C	B	C	B	C	D	A	A	C	B

Phần 2: Tự luận: (7,0 điểm)

Bài	Lời giải	Điểm
Câu 13 (0,5đ)	Số 18 viết dưới dạng La Mã là XVIII	0,25
	Số 26 viết dưới dạng La Mã là XXVI	0,25
Câu 14 (0,75đ)	a) Các cạnh đáy: AB; CD Các cạnh bên: AD; BC	0,25
	b) Diện tích hình thang cân ABCD là $(40 + 70) \cdot 20 : 2$	0,25
	$= 1\,100 \text{ (cm}^2\text{)}$	0,25
Câu 15 (0,5đ)	Diện tích chiếc gương hình thoi là: $40 \cdot 60 : 2$	0,25
	$= 1200 \text{ (cm}^2\text{)}$	0,25
Câu 16 (1đ)	a) Các bội là số tự nhiên nhỏ hơn 20 của 5 là 0; 5; 10; 15	0,5
	b) Tất cả các ước là số nguyên của 25 là: 1; -1; 5; -5; 25; -25	0,5
Câu 17 (1đ)	a) $-30 < -20$	0,25
	$0 > -19$	0,25
	b) Biểu diễn đúng -4 và 2. Chia đều khoảng cách các đơn vị, có số 0, mũi tên trên trục số.	0,5
Câu 18 (1,5đ)	a) $20 + (-7) \cdot (-2)$	
	$= 20 + 14$	0,25
	$= 34$	0,25

	$b)(-25).3.(-4).(-7)$	
	$= [(-25).(-4)].[3.(-7)]$	0,25
	$= 100.(-21) = -2100$	0,25
	$c)(-19).30 + (-19).70 + 900$ $= (-19).(30 + 70) + 900$ $= (-19).100 + 900$	0,25
	$= -1900 + 900$ $= -1000$	0,25
Câu 19 (0,75đ)	$2x + 15 = 153$	
	$2x = 138$	0,25
	$x = 69$	0,25
	Vậy $x = 69$	0,25
Câu 20 (1đ)	Gọi số học sinh khối 6 của trường đó là x (học sinh) ($x \in \mathbb{N}^*$)	0,25
	Theo đề bài ta có: $x \div 5$; $x \div 10$; $x \div 11$ và $320 \leq x \leq 350$ Suy ra $x \in BC(5,10,11)$ và $320 \leq x \leq 350$	0,25
	Ta có: $5 = 5$; $10 = 2.5$; $11 = 11$ Suy ra $BCNN(5,10,11) = 2.5.11 = 110$	0,25
	Suy ra $BC(5,10,11) = B(110) = \{ 0; 110; 220; 330; 440; \dots \}$ Vì $x \in BC(5,10,11)$ và $320 \leq x \leq 350$ nên $x = 330$ Vậy trường đó có 330 học sinh lớp 6	0,25